TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/7/2026
V/v "*Ly hôn giữa bà N và ông L*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG-TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngô Chí Nguyện

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 487/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2026/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1968

CCCD: A

Địa chỉ: E, khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: **Ông Ngô Văn L**, sinh năm 1958

CCCD: B

Địa chỉ: E, khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

Bà N yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2026, Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 26/6/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Bà và ông L kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã S, thành phố B vào ngày 28/10/2016 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông L xúc phạm và không cho bà về nhà. Bà và ông L đã ly thân từ năm

2025 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông L không còn nên bà xin ly hôn với ông L.

Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Từ năm 2025. Do bà N đem vàng giả đánh tráo vàng thật của ông nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông không còn tin tưởng bà N nên không cho bà N về nhà nữa. Nay tình cảm giữa ông và bà N không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: trước đây ông và bà N có vay Ngân hàng N1 số tiền 80.000.000đồng để lo cho con trai bà N. Tuy nhiên, sau khi bà N bỏ đi ông đã trả xong số tiền trên, hiện không còn nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Ngô Văn L nên quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Ngô Văn L là "Ly hôn"; hiện nay, ông L đang cư trú tại phường S, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N có Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bích N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông L tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/10/2016 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy bà N và ông L không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng mâu thuẫn giữa ông bà thực tế có xảy ra. Bà N và ông L đều xác định không còn tình cảm với nhau. Tại phiên tòa, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà N. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông L.

[2.2] Về con chung: bà N và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: bà N và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: bà N và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Ngô Văn L.

2. Về con chung: bà N và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà N và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0010428 ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Ông Ngô Văn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Bích N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 5.
- UBND phường S.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương